

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

**1. Tên học phần : Chuyên đề ngữ pháp nâng cao (Seminar on Advanced English Grammar)**

- Mã số học phần : XN328

- Số tín chỉ : 02 tín chỉ

- Phân bố số tiết : 30 tiết lý thuyết và 30 tiết tự học.

**2. Đơn vị phụ trách học phần:**

- Bộ môn : Ngôn ngữ và Văn hóa Anh

- Khoa: Khoa Ngoại ngữ

**3. Điều kiện tiên quyết: XH294**

**4. Mục tiêu của học phần:**

**4.1. Kiến thức:**

4.1.1. Mối quan hệ giữa môn ngữ pháp và môn viết: Bao gồm các kiến thức sau:

1. Ngữ pháp tu từ là gì?

2. Tại sao phải học ngữ pháp?

4.1.2. Ngữ pháp để thi IELTS: Bao gồm các kiến thức sau:

1. Cách dùng các thì trong tiếng Anh

2. Trật tự từ và dấu câu

3. Cách dùng mạo từ, liên từ

4. Danh từ, cụm danh từ

5. Phù hợp chủ ngữ và động từ

6. So sánh

7. Động từ khiếm khuyết

8. Câu điều kiện

9. Câu trực tiếp

10. Câu bị động

11. Mệnh đề tính từ

12. Dùng từ reference word để cho bài viết được mạch lạc

13. Cấu trúc bài viết và đoạn văn

**4.2. Kỹ năng:**

4.2.1. Kỹ năng đọc tài liệu về Ngữ pháp.

4.2.2. Kỹ năng trình bày lại nội dung đã đọc.

4.2.3. Kỹ năng đặt câu hỏi thảo luận về Ngữ pháp tiếng Anh.

4.2.4. Kỹ năng tổ chức buổi thảo luận ngắn về chuyên đề Ngữ pháp nâng cao (What is rhetorical grammar? Why study grammar?)

- 4.2.5. Kỹ năng làm việc nhóm.
- 4.2.6. Kỹ năng làm việc độc lập.
- 4.2.7. Kỹ năng giải quyết vấn đề.

### 4.3. Thái độ:

- 4.3.1. Thái độ nghiêm túc trong học tập và nghiên cứu.
- 4.3.2. Thái độ tôn trọng và cầu thị trong giao tiếp, tranh luận vấn đề.

### 5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần sẽ nâng cao hiểu biết của sinh viên về cách dùng các điểm ngữ pháp tiếng Anh và biết sử dụng phù hợp các điểm ngữ pháp này khi nghe, nói, đọc, viết về các chủ đề về giải trí, văn hóa, giáo dục, môi trường, lương thực, việc làm, sức khỏe, tội phạm, toàn cầu hóa, thời trang, nam-nữ, và thế giới hoang dã.

### 6. Cấu trúc nội dung học phần:

	Nội dung	Số tiết	Mục tiêu
<b>Chương 1. Grammar and Writing</b>			
1.1.	What is rhetorical grammar?	2	4.1.1, 4.2, 4.3
1.2.	Why study grammar?	4	4.1.1, 4.2, 4.3
<b>Chương 2. Grammar points</b>			
2.1.	Simple tenses	1	4.1.2, 4.2, 4.3
2.2.	Continuous tenses	1	4.1.2, 4.2, 4.3
2.3.	Past	1	4.1.2, 4.2, 4.3
2.4.	Future 1	1	4.1.2, 4.2, 4.3
2.5.	Future 1	1	4.1.2, 4.2, 4.3
2.6.	Word order and punctuation	1	4.1.2, 4.2, 4.3
2.7.	Subject-verb agreement	1	4.1.2, 4.2, 4.3
2.8.	Nouns	1	4.1.2, 4.2, 4.3
2.9.	Articles	1	4.1.2, 4.2, 4.3
2.10	Signposting and linking words	1	4.1.2, 4.2, 4.3
2.11	Comparisons	1	4.1.2, 4.2, 4.3
2.12	Modals 1	1	4.1.2, 4.2, 4.3
2.13	Modals 2	1	4.1.2, 4.2, 4.3
2.14	Conditionals	1	4.1.2, 4.2, 4.3
2.15	Reported speech	1	4.1.2, 4.2, 4.3
2.16	Using reference words to maintain cohesion in writing	1	4.1.2, 4.2, 4.3
2.17	Understanding how texts and paragraphs are organised	1	4.1.2, 4.2, 4.3
2.18	The passive	1	4.1.2, 4.2, 4.3
2.19	Relative clauses	1	4.1.2, 4.2, 4.3
2.20	Noun phrases	1	4.1.2, 4.2, 4.3

### 7. Phương pháp giảng dạy:

- Đây là lớp chuyên đề nên sinh viên sẽ phải đọc và tham gia thảo luận tài liệu. Sinh viên/nhóm sinh viên sẽ được phân công phụ trách một phần tài liệu, có nhiệm vụ đọc trước tài liệu, nêu ra 02 câu hỏi thảo luận cho mỗi tài liệu, email gửi trước câu hỏi thảo luận đến giáo viên và cả lớp, và (cùng với giáo viên) tổ chức buổi thảo luận về nội dung của tài liệu.
- Sau mỗi phần thảo luận sẽ có phần bài tập ứng dụng các điểm ngữ pháp tiếng Anh vào một trong bốn kỹ năng ngôn ngữ (Nghe, Nói, Đọc, Viết).
- Một phần tài liệu sẽ được cung cấp qua hệ thống E-learning của Trường Đại học Cần Thơ.

### 8. Nhiệm vụ của sinh viên:

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
- Nhận trách nhiệm đọc một phần tài liệu và tổ chức buổi thảo luận trên lớp về nội dung đã được phân công.
- Tham gia thảo luận và làm bài tập trên lớp.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

### 9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên:

#### 9.1. Cách đánh giá

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Mục tiêu
1	Điểm chuyên cần	Số tiết tham dự học tối thiểu 80%	20%	4.1.1, 4.1.2
2	Điểm tổ chức điều khiển buổi seminar	- Trình bày nội dung tài liệu đã đọc tại nhà - Đặt ra 02 câu hỏi về tài liệu đã đọc và điều khiển buổi thảo luận trên lớp xoay quanh 02 câu hỏi thảo luận.	20%	4.1.1, 4.2.1, 4.2.2, 4.2.6, 4.2.7, 4.2.8, 4.3.1, 4.3.2
3	Điểm tham gia	- Hoàn thành tất cả bài tập trên lớp - Hoàn thành tất cả bài tập về nhà	20%	4.2.1, 4.3.1.
4	Điểm thi kết thúc học phần	- Thi viết (100 phút)	40%	4.1.1, 4.1.2, 4.2.7, 4.3.1

#### 9.2. Cách tính điểm

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.
- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó chuyển thành điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác học vụ của Trường.

### 10. Tài liệu học tập:

Thông tin về tài liệu

Số đăng ký cá biệt

[1] Kolln, M. (2003). *Rhetorical Grammar - Grammatical Choices, Rhetorical Effects*. Longman.

[2] Calderonello, A.; Martin, V. & Blair, K. (2003). *Grammar for Language Arts Teachers*. Longman.

[3] Aish, F. & Tomlinson, J. (2012). *Grammar for IELTS*, NXB Thành phố Hồ Chí Minh.

### 11. Hướng dẫn sinh viên tự học:

Tuần	Nội dung	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Nhiệm vụ của sinh viên
1	Chương 1. Grammar and Writing 1.1. What is rhetorical grammar?	2	0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghiên cứu trước tài liệu [1]. Thảo luận nhóm về mối liên hệ giữa ngữ pháp và viết.</li> <li>- Nghiên cứu trước tài liệu [2]. Thảo luận nhóm về ý nghĩa của việc học ngữ pháp.</li> </ul>
	1.2. Why study grammar?	4	0	
2	Chương 2. Grammar for IELTS			Đối với mỗi bài học trong Chương 2, nghiên cứu trước tài liệu [3].
	2.1. Simple tenses	1	0	
	2.2. Continuous tenses	1	0	
	2.3. Past	1	0	
	2.4. Future 1	1	0	
	2.5. Future 1	1	0	
	2.6. Word order and punctuation	1	0	
	2.7. Subject-verb agreement	1	0	
	2.8. Nouns	1	0	
	2.9. Articles	1	0	
	2.10. Signposting and linking words	1	0	
	2.11. Comparisons	1	0	
	2.12. Modals 1	1	0	
	2.13. Modals 2	2	0	
	2.14. Conditionals	2	0	
	2.15. Reported speech	1	0	
	2.16. Using reference words to maintain cohesion in writing	1	0	
	2.17. Understanding how texts and paragraphs are organised	1	0	
	2.18. The passive	1	0	
	2.19. Relative clauses	1	0	
2.20. Noun phrases	1	0		
		1	0	
		1	0	

Cần Thơ, ngày 15 tháng 04 năm 2014

**TL. HIỆU TRƯỞNG  
TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**